

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tổ Vân

Thời gian: 09/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 9

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo.

Trong các cõi Phật, đều có thể thị hiện, như nhà ảo thuật giỏi, biến ra các hình tướng khác nhau, với các tướng ấy, thật không thể được, những Bồ-tát này cũng như thế, thông các pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, cúng dường chư Phật, dắt dẫn quần sanh, hóa hiện các thân, mau như ánh chớp.

Kinh văn đoạn này nêu lên đại trí của ngài Văn-thù.

Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận nói: không vào biển đại trí của Văn-thù ắt khó vào cửa đại hạnh của Phổ Hiền. Vì không thể liễu đạt tự tâm xưa nay vốn viên mãn, “tâm-Phật-chúng sanh, ba thứ không khác”, cho nên tất cả hạnh nguyện đều không đầy đủ. Vì sao vậy? Do tu ở ngoài tâm, nên thành pháp hữu lậu. Cầu pháp ngoài tâm, ắt đồng ma nghiệp. Vô lượng công đức đều không ở ngoài tâm mình. Hoặc hỏi: chẳng phải niệm Phật vẫn có một vị Phật đó sao? Vô lượng quang thọ là bản giác của chính mình, niệm Phật chính là niệm tâm mình, như vậy đâu phải cầu pháp ngoài tâm.

“Trong các cõi Phật, đều có thể thị hiện, như nhà ảo thuật giỏi, biến ra các hình tướng khác nhau.”

Những đại Bồ-tát này ở trong tất cả cõi nước có thể thị hiện đủ loại ứng thân và hóa thân. Giống như nhà ảo thuật rất khéo, biến ảo ra đủ loại hình tướng khác nhau. Ấn Độ có rất nhiều nhà ảo thuật.

Hoàng Niệm lão từng kể một việc như sau: ngài từng gặp một vị truyền giáo lớn tuổi người Anh, ông kể cho Hoàng Niệm lão một việc kỳ lạ, rất giống với truyện

“trộm đào” trong sách Liêu Trai. Một người ném một sợi dây thừng lên trời, sợi dây liền treo lơ lửng trên trời, sau đó anh ta đu dây thừng lên trời.

Người ấy biểu diễn nhiều lần, tạo tiếng vang lớn. Thế nên có người đã dùng máy ảnh chụp lại toàn bộ quá trình. Rửa phim ra mới phát hiện, người ấy vẫn ngồi ở dưới đất, căn bản không hề chuyển động. Do những người xem đều có ý thức, nhà ảo thuật đã thôi miên họ, thế nên khán giả nhìn thấy người này lên trời. Do máy ảnh không có tâm, không bị thôi miên, nên phim được rửa ra là tình huống chân thật. Thực ra người đó ngồi dưới đất, căn bản không hề chuyển động. Cho nên, những thứ này đều là ảo thuật.

Trí Độ Luận nói: phương Tây có nhà ảo thuật có thể biến hiện ra cung điện, thành trì, miếu thờ; còn có thể biến khăn tay thành thỏ, biến thắt lưng thành rắn, v.v.. 60 năm trước, chợ Đông An ở Bắc Kinh có một gánh xiếc, mỗi ngày biểu diễn đủ loại hình giải trí. Ngày nọ, có một người ngồi uống trà bên cửa sổ trong một quán trà, anh nhìn thấy gánh xiếc dưới lầu đang biểu diễn ảo thuật, anh rất khó hiểu, vì sao người xem lại kinh ngạc đến như vậy? Anh cho rằng vốn chẳng có gì đặc sắc. Một lát sau, rất nhiều khán giả lên lầu uống trà, họ bàn tán sôi nổi: “Thật kỳ lạ, hôm nay đã lôi cả một con bò vào trong lọ.” Người ở trên lầu nói: “Làm gì có chuyện đó, tôi rõ ràng nhìn thấy một con cóc đặt ở trong lọ.”

Người ở trên lầu không bị thôi miên, nên anh nhìn thấy thật ra là một con cóc. Khán giả ở dưới lầu bị thôi miên, nhìn thấy một con bò bị lôi vào trong lọ, quá sức tuyệt vời. Đây chính là ảo thuật. Ví dụ này cho thấy những Đại sĩ này ở trong các cõi Phật, giống như nhà ảo thuật, có thể hiện ra các hình tướng khác nhau, hoặc thị hiện làm quốc vương, đại thần, hoặc là đại đức xuất gia, hoặc là người dân thường.

“Với các tướng ấy, thật không thể được, những Bồ-tát này cũng như thế.”

Kinh Bảo Tích nói: “Như nhà ảo thuật biến hóa, tự mình không bị mê”. Nhà ảo thuật đặt con cóc vào trong lọ, bản thân họ không hề bị lừa. Những thứ này chỉ là ảo thuật, là hư vọng, đương nhiên họ sẽ không bị mê. Thường nói “cả ngày độ sanh mà cả ngày chẳng độ”, những Đại sĩ trong hội thị hiện tám tướng thành đạo, thị hiện đủ loại thân ở mười phương thế giới. Ví dụ như kết hôn, có con, xuất gia v.v., dùng điều này để độ khắp chúng sanh thì gọi là “cả ngày độ sanh”.

Bởi vì những cảnh giới này đều do chính mình biến hiện ra, nên họ đương nhiên sẽ không xem là thật. Kinh Viên Giác nói: “Biết huyễn liên lìa, lìa huyễn liên giác”. Biết rõ tất cả như mộng như ảo thì sẽ không bị mê. Không chấp trước vào những huyễn tướng này thì chính là giác. Đây là lời nói viên đốn nhất trong kinh Viên Giác, hiểu rõ tất cả đều là huyễn tướng, biết huyễn liên lìa, đây gọi là “thật không thể được”, cũng có thể gọi là “cả ngày chẳng độ”. Không rơi vào hai bên, ung dung nơi trung đạo, “những Bò-tát này cũng như thế.”

“Thông các pháp tánh, đạt chúng sanh tướng.”

“Thông các pháp tánh” là chiếu chân, “đạt chúng sanh tướng” là đạt tục. Người tu hành vừa phải thấu suốt chân đế, vừa phải thông đạt tục đế. Tục đế đại biểu cho chúng sanh, nếu muốn độ chúng sanh thì phải “đạt chúng sanh tướng”. Nếu chỉ độ sanh mà không thể lìa tướng thì rơi vào trong pháp hữu vi, như vậy không thể khiến chúng sanh đạt được lợi ích chân thật, những gì đạt được chỉ là công đức hữu vi, cho nên còn phải “thông các pháp tánh”. “Pháp tánh” chính là thật tướng, chân như, pháp giới, niết-bàn, thật tế v.v..

Về bản chất thì Phật tánh và pháp tánh nói trên không có gì khác biệt. Thông thường nói Phật tánh là chỉ cho phương diện hữu tình, như hữu tình, hàm linh, chúng sanh v.v.. Thông thường không nói những thứ vô tình như gạch, ngói, bàn, ghế v.v. có Phật tánh. Còn pháp tánh thì thông với hữu tình lẫn vô tình. Pháp tánh và Phật tánh vốn không khác biệt, chỉ là thói quen sử dụng khác nhau mà thôi. Khởi Tín Luận nói: bản tánh của tất cả pháp gọi là “pháp tánh”. Cho nên bất luận là hữu tình hay vô tình, bản tánh của hết thảy đều là pháp tánh.

Đại Thừa Nghĩa Chương và Duy Thức Thuật Ký nói: pháp tánh tức là thật tướng, tức là chân như. Tông Hoa Nghiêm cho rằng “chân như” có hai hàm nghĩa là “bất biến và tùy duyên”.

1. Tùy duyên. Vì chân như có thể tùy duyên, nên có thể biến hiện ra hết thảy pháp, biến hiện ra đủ loại tướng

2. Bất biến. Bởi vì chân như bất biến nên tuy theo duyên mà biến nhiễm, biến tịnh, biến hiện hữu tình và vô tình, tất cả các loại pháp khác nhau, song bản tánh của chân như vẫn không mất không đổi. Cho nên tất cả chúng sanh trong lục đạo như

kiến, ruồi, tội nhân trong chảo dầu, rừng kiếm v.v., chân như của họ không mất không đổi.

Ví như nước theo duyên mà biến thành sóng, sau khi nước biến thành sóng, thể tánh của nó vẫn là nước. Pháp tánh, chân như vốn thuần thiện không tạp, do nhân duyên hội tụ mà biến thành nhiễm hay tịnh, cho nên mới có sự khác biệt giữa cõi tịnh và cõi uế. “Thông các pháp tánh” là thông đạt thật tướng tùy duyên bất biến. “Đạt chúng sanh tướng” là thông đạt các loại tướng khác nhau bất biến tùy duyên mà hiển hiện ra.

Hội Sớ nói: Bồ-tát có hai loại trí tuệ có thể làm gốc rễ cho hết thảy sự tu hành.

Bản tánh của các pháp không phải “một”, cũng chẳng phải “khác”. Ví dụ nói đến nước, nói nước là “một”, nhưng nó có thể sanh ra ngàn vạn con sóng khác nhau; nói nó là “khác”, song trăm ngàn hình thái sóng ấy vốn không khác nhau, đều cùng một thể nước. Cho nên nói, trong khác biệt không có khác biệt, trong không khác biệt lại sanh ra vô lượng khác biệt. Tóm lại, không rơi vào hai bên thì gọi là “không một, không khác”, đồng thời cũng là “không sanh không diệt”. Khi sóng sanh ra, thể của nó vẫn là nước, cho nên là “không sanh”; khi sóng mất đi, thể của nó chỉ là quay về bản thể, chứ không hề đoạn diệt, cho nên là “không diệt”. Có thể soi thấy bản tánh của các pháp là “không một không khác, không sanh không diệt”, thì gọi là “thông các pháp tánh”.

Hai là như lượng trí. “Như lượng” chính là có số lượng, có thể thấu suốt các loại tướng khác nhau thì gọi là “như lượng trí”. Chúng sanh có đủ thứ bệnh, cho nên phải có đủ loại thuốc. Nếu không hiểu rõ các loại bệnh tình thì không thể kê thuốc đúng bệnh. Đối với các loại bệnh, các loại tướng khác nhau của chúng sanh, nếu đều có thể hiểu rõ thì chính là “như lượng trí”, tức là “đạt chúng sanh tướng”. “Thông các pháp tánh” chính là hiểu rõ được tánh của các loại thuốc. Do vậy, nhất định phải đầy đủ hai điều kiện này thì mới có thể trị bệnh cứu người. Người phát nguyện lớn phải bắt tay làm từ đây.

“Cúng dường chư Phật, dắt dẫn quần sanh.”

Ở trên nói đến “thấu chân đế, đạt tục đế”, tiếp theo nói đến trên cúng dường, dưới hóa độ. Tu hành phải trên cúng dường chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh.

Cúng dường có ba hàm nghĩa:

1. Tài cúng dường (còn gọi là lợi cúng dường): ví dụ hương hoa, ẩm thực, thuốc men v.v..

2. Pháp cúng dường (còn gọi là kính cúng dường). Trong hết thấy cúng dường, pháp cúng dường là thù thắng nhất. Tán thán, cung kính, đánh lễ chư Phật Bồ-tát, y theo lời dạy của Phật làm lợi ích cho chúng sanh, đồng thời nâng cao sự giác ngộ của mình và người.

3. Hành cúng dường (còn gọi là như pháp tu hành cúng dường): chính là thọ trì và tu hành diệu pháp.

Chúng ta phải biết được tâm của Phật!

“*Dắt dẫn quần sanh*”. “Dắt” chính là khai hóa, “dẫn” chính là hướng dẫn, “quần sanh” chính là chúng sanh. Kinh Duy-ma nói: “Tuy biết cõi nước chư Phật và chúng sanh là không, song thường tu Tịnh độ, giáo hóa chúng sanh”. Tuy biết rằng tất cả đều không thể được nhưng vẫn ở mười phương khuyến bảo dẫn dắt chúng sanh vãng sanh Cực Lạc. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm nói: người khiến tất cả chúng sanh sanh hoan hỷ chính là khiến tất cả Như Lai hoan hỷ. “Vì chúng sanh mà khởi tâm đại bi, nhờ đại bi mà sanh tâm bồ-đề, nhờ tâm bồ-đề mà thành Đẳng chánh giác.”

“Do tâm đại bi tùy thuận chúng sanh mà có thể thành tựu việc cúng dường Như Lai”. Do đây có thể thấy, dắt dẫn quần sanh, khiến chúng sanh hoan hỷ thì chư Phật hoan hỷ, cũng thành tựu việc cúng dường Phật. Chúng ta dùng pháp môn Tịnh độ thù thắng để dắt dẫn chúng sanh, đây chính là tuân theo lời khai thị của Phật, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, đây chính là pháp cúng dường vô thượng; hơn nữa, trong việc độ chúng sanh có công đức của việc hoằng dương thánh giáo, tùy thuận chúng sanh, phát tâm bồ-đề, đạt đến quả giác rốt ráo.

Bồ-tát trong hội đầy đủ *như lý trí*, thế nên “thông các pháp tánh”; lại có *như lượng trí*, cho nên “đạt chúng sanh tướng”. Do vậy, hóa hiện các thân đến khắp cõi nước chư Phật, trên cúng dường chư Phật, dưới dắt dẫn chúng sanh, rộng làm nhiều lợi ích. Giống như nhà ảo thuật giỏi, thị hiện các loại huyền tướng, trên cúng dường, dưới hóa độ, tuy làm đủ mọi thị hiện nhưng do thông đạt pháp tánh, thế hội sâu các pháp bình đẳng, không có khác biệt, nên đối với tướng, tâm không dính mắc.

“*Hóa hiện các thân mau như ánh chớp.*”

Những Đại sĩ này hóa hiện thân thể nhanh như tia chớp trên trời. 32 ứng thân của Bồ-tát Quán Âm, “nên dùng thân nào để độ liền hiện thân đó mà thuyết pháp”. Bồ-tát trong một niệm có thể đến khắp cõi nước mười phương, tốc độ của hành động nhanh như tia chớp. Trên cúng dường, dưới hóa độ, bình đẳng phổ chiếu.

Hội Sớ nói: ánh chớp có bốn hàm nghĩa.

1. Là nhanh. Bồ-tát có thể ứng với tâm niệm của chúng sanh, đến ngay lập tức.

2. Có thể phá sự tăm tối của chúng sanh. Sự ngu si của chúng sanh giống như tăm tối, Phật pháp ví như ánh chớp, có thể phá trừ sự tăm tối trong tâm của chúng sanh.

3. Không trụ. Bồ-tát có thể hóa ra vô lượng thân, đến vô lượng cõi nước, như ánh chớp trong không trung, không từ đâu đến, cũng không đi đâu.

4. Không phân biệt. Như ánh chớp chiếu vạn vật là bình đẳng chiếu khắp, không có yêu ghét lấy bỏ. Vì vậy dùng ánh chớp để tỉ dụ cho sự hóa thân của các Đại sĩ.

Mời xem kinh văn tiếp theo.

Xé toạc lưới ma, cõi các trời buộc. Vượt xa quả vị Thanh Văn, Bích-chi-Phật, vào cửa không, vô tướng, vô nguyện. Khéo lập phương tiện, hiển thị tam thừa. Đối với hàng trung hạ căn mà thị hiện diệt độ.

“Xé toạc lưới ma, cõi các trời buộc.”

“Xé toạc” chính là xé nát. Trí Độ Luận nói: ma chuyên môn đoạt huệ mạng người, phá hoại người tu đạo pháp, làm công đức, cho đến phá hoại gốc rễ của các loại thiện hạnh. Huệ mạng còn quan trọng hơn sanh mạng gấp mấy vạn lần, thế nhưng ma có thể phá hoại sạch.

Thế nào là “kiến”? Nói theo nghĩa rộng thì những gì khởi lên trong tâm phàm phu đều là “kiến”; nói theo nghĩa hẹp, kiến giải có tính quyết định gọi là “kiến”. “Kiến” mà mọi người thường nói là chỉ cho nghĩa hẹp. Nếu một người có một cách nhìn cố định thì sẽ giống như đeo một cặp kính màu đỏ, bất luận nhìn thứ gì cũng đều là màu đỏ.

Phàm phu luôn không rời khỏi thường kiến và đoạn kiến. “Đoạn kiến” cho rằng người chết như đèn tắt, thứ gì cũng không còn. “Thường kiến” cho rằng tu hành sanh lên trời thì vĩnh viễn sẽ không chết. Những kiến giải này đều là sai lầm. Phàm phu nếu không rơi vào đoạn kiến thì cũng rơi vào thường kiến. Đoạn kiến và thường kiến là một cặp đối lập, gọi là “biên kiến”.

Biên kiến là một trong 10 loại kiến hoặc, đều là tà kiến. Một người có thành kiến quá sâu thì giống như trong cơ thể mọc ra gai xương vậy, cử động bất tiện, hết sức có hại, gọi là “gai thành kiến”. Thành kiến rất nhiều thì gọi là “rừng thành kiến”, thân bị hãm trong rừng thành kiến thì không dễ gì ra khỏi. Các loại tà kiến đan vào nhau, giống như lưới nhện, khiến người khó thoát, nên gọi là “lưới thành kiến”. Lưới thành kiến cũng gọi là lưới tà kiến, lưới ma kiến.

Tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. “Xả”, đầu tiên phải xả kiến. Phải xả bỏ hết thấy tà kiến, hết thấy phân biệt, đây chính là “xé toạc lưới ma”. Người xưa nói “xả thân dễ, xả kiến khó”. Mọi người nhất định phải một mực đồng mãnh học theo Bồ-tát Đại Thế Chí, chỉ một câu thánh hiệu, tịnh niệm tiếp nối, niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, mới có thể thoát khỏi lưới ma. “Cởi các trói buộc”, Tịnh Ảnh Sớ nói: tất cả phiền não kết đều là trói buộc. Bồ-tát hóa hiện mười phương, giáo hóa chúng sanh, đoạn lìa phiền não, gọi là “cởi các trói buộc”.

“Vượt xa quả vị Thanh Văn, Bích-chi-Phật.”

“Thanh văn” là đệ tử Tiểu thừa của Phật. Họ nghe Phật giảng pháp tứ đế: khổ - tập - diệt - đạo, giải ngộ diệu lý bên trong, đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc, ra khỏi phần đoạn sanh tử, chứng nhập quả vị La-hán. “Bích-chi Phật”, “Bích-chi” là tiếng Phạn, dịch là nhân duyên. Xưa dịch là Duyên giác, nay dịch là Độc giác. Quán pháp 12 nhân duyên đạt được giác ngộ thì gọi là Duyên giác. Thấy cảnh bên ngoài như gió thổi cây rung, lá rơi hoa rụng mà thành đạo thì gọi là Độc giác. Các ngài tuy là hàng thánh trong pháp Trung thừa, song chìm vào không, vướng vào tịch, chưa thể phát khởi đại tâm bình đẳng độ khắp vô lượng chúng sanh cùng tiến về Phật quả vô thượng. Các Đại sĩ trong hội có phương tiện khéo léo, tùy theo căn cơ mà độ sanh, có thể thị hiện Thanh văn, Bích-chi Phật để giáo hóa chúng sanh, lại còn có thể xa lìa tướng của Thanh văn và Bích-chi Phật, do vậy vượt xa hàng Nhị thừa.

“Vào cửa không, vô tướng, vô nguyện.”

Đại Trí Độ Luận nói: quán hết thấy pháp là không, nên gọi là không. Hết thấy pháp đều không. Trong Tâm kinh nói: không có sắc thanh hương vị xúc pháp, cho đến không có vô minh và cũng không có hết vô minh, không có trí cũng chẳng có đắc, đều không có, đều là không. Bởi vì các pháp đều là không, cho nên gọi là “cửa không”. Hàm nghĩa của “không” chuyển hóa thành vô tướng, thì gọi là chuyển về không. Trong không chẳng có tướng để đắc, chẳng thể chấp vào tướng thì gọi là “cửa vô tướng”. Vô tướng thì không có tạo tác, trong vô tướng không có tướng để chấp, cũng xa lìa luôn cái có thể chấp. Tướng năng sở đều không thể được, cũng chẳng có thứ gì để tạo tác, nên gọi là “cửa không tạo tác”, chính là “cửa vô nguyên”. Hễ có tạo tác thì chính là nhân sanh ra tam giới, còn “không tạo tác” thì xa lìa nhân sanh ra tam giới.

Thành niết-bàn có ba cái cửa, chính là không, vô tướng, vô nguyên. Làm thế nào vào ba cửa này? Đại Trí Độ Luận nói: ví như một tòa thành có ba cái cửa, từ bất kỳ cửa nào cũng đều vào được thành. Thế nào là thành? Thành chính là niết-bàn, chính là nơi tuyền Phật, muốn thành Phật thì phải chứng niết-bàn. Chẳng phải là làm phương tượng, làm đại pháp sư, trở thành nhà Phật học tài ba, mà chúng ta phải tiến vào thành niết-bàn.

Đại Trí Độ Luận nói: khi tiến vào cửa không thì chẳng những các pháp đều không, mà cũng chẳng thấy có tướng không, cũng chẳng dừng lại ở không, như vậy liền từ cửa không này mà tiến vào. Nếu lúc vào cửa mà thấy có một tướng không thì sẽ chấp trước dính mắc vào tướng không ấy, bị đình trệ ở trong không, đã chặn bít cửa không, không bước vào được, điểm này hết sức quan trọng. Khi hành nhân vào cửa luôn luôn chấp chặt vào tướng không, nên không thể thực sự vào cửa, hết sức đáng tiếc.

Nếu khi tiến vào cửa không, có thể trừ bỏ tướng không thì sẽ vào thẳng cửa vô tướng, chẳng những trừ bỏ tướng có thể thấy, mà ngay cả tướng không cũng phải bỏ, đây mới thực sự là vô tướng. Tuy tất cả đều không thể được, song lại vô cùng sống động. Vô tướng vốn dĩ là vô tướng, nếu vừa khởi chấp trước thì vô tướng sẽ thành một tướng, tướng này chính là tướng của vô tướng, gọi là “tướng vô tướng”. Thường nói: “Một câu hợp đầu ngữ, muôn kiếp vướng cọc lừa”. Hễ trong tâm vừa khởi chấp trước thì sẽ sanh ra hý luận, trở thành cái cọc cột con lừa muôn kiếp, cửa vô tướng đã bị bít chặt, không thể tiến vào thành. Nếu trừ bỏ tướng của vô tướng,

trong vô tướng không có thứ gì để tạo tác, liền vào thẳng cửa vô tác. Cho nên ba cửa này có thể tùy ý mà bước vào. Vì sao “vượt xa quả vị Thanh văn, Bích-chi Phật”? Bởi vì hàng Nhị thừa chìm đắm vào không, chưa thực sự vào cửa, do vậy những Bồ-tát này vượt xa hàng Nhị thừa.

“Khéo lập phương tiện, hiển thị Tam thừa.”

“Phương tiện”, nói đơn giản thì chính là một pháp tiện lợi mà ai cũng có thể làm được.

Pháp Hoa Nghĩa Sớ nói: phương tiện chính là tên gọi của thiện xảo, phương tiện thiện xảo thường đi chung với nhau. Khéo thuyết pháp, cứu độ chúng sanh một cách rất xảo diệu thì gọi là thiện xảo. Thiện xảo chính là ứng dụng của trí tuệ, tác dụng hiển hiện ra từ bản thể trí tuệ thì gọi là phương tiện.

Kinh Niết-bàn nói: “Trí độ¹ là mẹ của Bồ-tát, phương tiện là cha”. Lấy đại trí tuệ làm gốc, theo đó mà lập ra pháp môn, ứng cơ thuyết pháp, tùy duyên cứu độ thì gọi là “phương tiện”. Phương tiện rất quan trọng, là cha của chúng sanh.

Hội Sớ nói: phương tiện có hai hàm nghĩa.

1. Hiểu sâu về “không” mà chẳng chấp tướng không, cũng chẳng chứng không. Nếu trong quá trình tu mà chấp có cái để chứng thì chính là pháp tiệm tiến. Ví dụ đi thang máy, một mạch lên đến tầng cao nhất của tòa nhà chọc trời, đây chính là thẳng tới Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu dừng lại giữa chừng, đương nhiên sẽ biến thành chậm, đây gọi là chứng. Thế nên, đối với tất cả pháp đều không chấp vào chứng, mà tiến thẳng đến A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

2. Do diệu lý của thật tướng cực sâu cực diệu, trình độ của chúng sanh quá thấp, không cách nào tin tưởng và tiếp nhận, việc này cần có phương tiện dẫn dắt. “Trước dùng dục lôi kéo, sau khiến vào chánh đạo”. Thứ chúng sanh ham muốn là dục, dùng dục làm cái móc để dẫn dắt chúng sanh, sau cùng khiến họ vào chánh đạo.

Nói đến dùng phương tiện thiện xảo dẫn dắt thì không ai hơn được Bồ-tát Quán Thế Âm. Trong làng chài xuất hiện một thiếu nữ xinh đẹp, tay cầm giỏ tre, đây là Quán Âm hóa hiện. Nhiều chàng trai trẻ cầu hôn nàng, nàng nói: “Nhiều người như vậy, tôi biết gả cho ai, tôi có quyển Tâm kinh, ai có thể tụng thuộc thì tôi gả cho

¹ Trí độ: chính là bát-nhã ba-la-mật

người đó.” Ngày hôm sau, rất nhiều người đều có thể thuộc. Thế nên nàng đem phẩm Phổ Môn đưa cho họ, và nói: “Trong ba ngày, ai có thể tụng thuộc thì sẽ gả cho người đó.” Ba ngày sau, bảy người có thể thuộc. Nàng lại lấy kinh Pháp Hoa ra đưa cho họ. Vài ngày sau, chỉ có chàng thanh niên họ Mã thuộc được. Do vậy nàng đã sánh duyên cùng chàng Mã.

Ngay lúc cử hành hôn lễ, cô dâu không khỏe, một lát sau đã qua đời. Mọi người đều rất buồn. Một năm sau đó, mọi người vẫn còn bàn tán việc này. Một vị hòa thượng nói với họ: “Vùng này của các anh lẽ ra có nạn, Bồ-tát Quán Âm dạy các anh đọc kinh để tiêu tai, để cứu độ mọi người đó.” Mọi người không tin, họ mở quan tài ra xem, bên trong quan tài trống trơn. Đây là câu chuyện lưu truyền về vợ chàng họ Mã, tức Quán Âm cầm giỏ cá. Đây là một ví dụ thực tế cho việc dùng phương tiện để dẫn dắt.

Đức của phương tiện vô cùng rộng lớn, với người vốn không thể tin nhận, đã làm cho tin nhận; với người vốn không cách nào cứu độ thì đã được cứu độ. Đây là sự lưu lộ của đại từ bi, đại trí tuệ đạt đến cực điểm. Nếu không có đại bi, sẽ không chịu dụng tâm như thế; nếu không có đại trí, sẽ không nghĩ ra biện pháp dạy dỗ hợp căn cơ. Do vậy, phương tiện được gọi là cha của Bồ-tát. Đây không phải là điều mà hàng Nhị thừa có thể làm được, cho nên gọi là “khéo lập”. Dùng đủ loại dẫn dụ khiến chúng sanh dần dần ngộ ra và được độ thì gọi là “khéo lập phương tiện”.

“Hiện thị Tam thừa”. “Tam thừa” chính là La-hán thừa, Bích-chi Phật thừa và Bồ-tát thừa.

Phẩm Thí Dụ trong kinh Pháp Hoa nói: Như Lai có thể ban cho hết thảy chúng sanh pháp nhất Phật thừa, tương lai đều thành Phật, song không phải hết thảy chúng sanh đều có thể tiếp nhận. Sau cùng, khi Phật nói kinh Pháp Hoa, trong những người đã trải qua 49 năm bồi dưỡng và giáo dục, vẫn có 5.000 người lui ra, không thể tin nhận. Chư Phật bèn dùng sức phương tiện, đem nhất Phật thừa nói thành tam thừa, có La-hán, Bích-chi Phật và Bồ-tát.

Trong kinh Pháp Hoa nói: một đại trưởng giả nhìn thấy các con của mình đang ở trong ngôi nhà cháy, không chịu ra ngoài. Ông trưởng giả nói: ngoài đây có xe dê, xe hươu, xe trâu, chơi vui lắm, các con mau ra đây! Những đứa trẻ lập tức chạy ra ngoài, liền được cứu độ. Chúng ra ngoài nhìn thấy, mỗi người đều được một chiếc xe trâu trắng lớn, vượt ngoài sự tưởng tượng của chúng. Xe trâu trắng lớn là pháp

nhất thừa, đều là pháp thành Phật, đây chính là hàm nghĩa của “khéo lập phương tiện, hiển thị tam thừa”.

Những vị Bồ-tát tại gia và xuất gia này đều có thánh đức như vậy, đến tham gia pháp hội này, nghe Thích-ca Mâu-ni Phật nói kinh Vô Lượng Thọ, thế nên đối với bộ kinh này chúng ta phải biết trân trọng.

“Đối với hàng trung hạ căn thì thị hiện diệt độ.”

Đây là tướng thứ tám, biểu thị ý nghĩa nhập niết-bàn. Pháp tam thừa có ba loại căn tánh, đối với hàng trung hạ căn thì thị hiện diệt độ. “Diệt độ” xưa dịch là niết-bàn, thời Đường dịch là viên tịch. Diệt độ là chỉ cho diệt nhân quả của sanh tử, vượt qua dòng thác sanh tử. Bờ bên này là sanh tử, giữa dòng là phiền não, bờ bên kia là niết-bàn. Vượt qua dòng thác phiền não, bước sang bờ kia là hàm nghĩa của diệt độ.

Kinh Niết-bàn nói: “Diệt các phiền não gọi là niết-bàn, xa lìa các hữu thì gọi là niết-bàn”. Diệt các phiền não, lìa tất cả các hữu trong tam giới thì chính là niết-bàn. Thế nào là viên tịch? Tâm Kinh Lược Sớ của ngài Hiền Thủ nói: “Đầy đủ các đức nên gọi là viên, trừ hết thảy chướng nên gọi là tịch”. Sách Chân Giải nói: bản thể cùng tận chân tánh, không có bất kỳ khoảng cách, mơ hồ hay khiếm khuyết nào. Trừ sạch các dính mắc vào hết thảy tướng, hết thảy tướng không còn gây phiền phức nữa. Vì bản thể vi diệu tuyệt luân, không bị hết thảy tướng ràng buộc, cho nên gọi là “tịch”. Thị hiện diệt độ là ứng với hàng căn cơ trung hạ.

Phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa nói: nếu Phật trụ lâu ở đời, thời người đức mỏng chẳng trồng thiện căn, bản cùng hạ tiện, tham đắm ngũ dục, trước sau đều ở trong lưới vọng kiến không thể ra khỏi. Nếu thấy đức Như Lai bất diệt thì họ sẽ phóng túng thói quen xấu và niệm ác, đối với Phật pháp khó sanh ý nghĩ “khó thấy khó gặp”. Đối với người trung hạ căn, Phật thị hiện diệt độ, đây chỉ là một loại phương tiện. Đối với người thượng thượng căn mà nói, Như Lai không có đến đi, thì làm gì có sanh tử! Bậc thượng trí không trụ sanh tử, không trụ niết-bàn. Do vậy, Thế Tôn nhập diệt trong rừng Song Thọ chỉ là thị hiện. Lục tổ của Thiền tông nói: “Nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, vậy còn có gì gọi là niết-bàn? Lúc đại sư Trí Giả đọc kinh Pháp Hoa thì vào tam-muội, ngài đích thân nhìn thấy hội Linh Sơn vẫn còn chưa tan. Các Đại sĩ trong hội hoằng hóa mười phương cũng vì những người trung hạ căn mà thị hiện diệt độ.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Đắc các tam-ma-địa không sanh không diệt, và đắc tất cả môn đà-ra-ni.
Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, tổng trì đầy đủ trăm ngàn tam-muội.**

“Đắc các tam-ma-địa không sanh không diệt.”

“Tam-ma-địa” xưa dịch là tam-muội, dịch là chánh định, là chánh tâm hành xứ. Thiện tâm và chánh tâm được nhiếp bởi định tuệ, an trụ một nơi thì gọi là tam-muội. Các loại tam-muội, mỗi loại đều có tên. “Các tam-ma-địa không sanh không diệt”, “tam-ma-địa” là tên chung, “không sanh không diệt” là tên riêng. Tiểu phẩm của kinh Bát-nhã nói: Bồ-tát Tát-đà-ba-luân khi nghe giảng Bát-nhã liền ở ngay chỗ ngồi đắc “tam-muội các pháp không sanh, tam-muội các pháp không diệt v.v.”, cả thấy sáu trăm vạn môn tam-muội. Có nhiều loại tam-muội cho nên gọi là “các tam-ma-địa”. Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội, gọi là “bảo vương tam-muội”.

“Và đắc tất cả môn đà-ra-ni.”

“Đà-ra-ni” dịch là tổng trì, năng trì, năng giữ. “Năng trì” là gìn giữ các loại thiện pháp, không tan không mất. Giống như một cái bát hoàn chỉnh có thể khiến nước trà không rỉ chảy. Nếu là bát nứt thì nước trà sẽ chảy hết. “Năng giữ” là có thể tiêu trừ, ngăn chặn niệm ác, ngăn ngừa làm việc xấu. Đây chính là chỗ thù thắng của đà-ra-ni.

Đại Trí Độ Luận nói: nhập chánh định mà tu hành, về lâu sau sẽ thành đà-ra-ni. Tam-muội kết hợp với trí tuệ thật tướng các pháp sanh ra đà-ra-ni. Cho nên đà-ra-ni còn thù thắng hơn tam-muội. Tam-muội là tâm tương ưng pháp, đà-ra-ni là tâm bất tương ưng pháp. Thế nào gọi là “tương ưng pháp”? Chính là nhất tâm chuyên chú. Ví dụ nhập định, lúc nhiếp tâm vào một loại thiền định nào đó thì mới có thể xuất hiện cảnh giới tam-muội. Đà-ra-ni có hai đặc điểm:

1. Tuy ở trong phiền não, song công đức của đà-ra-ni không mất.
2. Một khi đắc đà-ra-ni là vĩnh viễn đắc, nhiều đời không mất.

“Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội.”

“Ngộ nhập”, “nhập” là chữ “nhập” trong “nhập định xuất định”. “Nhập tam-muội” là nhờ định lực và trí tuệ mà sanh khởi. Nhập Hoa Nghiêm tam-muội chủ yếu

dựa vào trí tuệ, nên gọi là ngộ nhập. “Tùy thời” chính là tùy niệm, muốn nhập liền nhập, muốn vào liền vào, không trải qua thời gian, không cần quá trình. Nhập định thông thường phải ngồi ngay ngắn và lắng tâm, không để tâm vọng động, dần dần chuyên nhất thanh tịnh, đạt đến cảnh giới trong định.

“Tùy thời ngộ nhập” là tùy vào tâm nguyện của chính mình, khởi một niệm liền có thể vào. Ví dụ Lăng-nghiêm đại định, lúc nào cũng đều ở trong đại định. “Hoa Nghiêm tam-muội” được gọi đầy đủ là “Phật Hoa Nghiêm tam-muội”, tam-muội này là lấy nhất chân pháp giới làm bản thể. Không có đối đãi, bình đẳng không hai, nên gọi là *nhất*; chân thật không vọng, nên gọi là *chân*; dung nhiếp tất cả vạn pháp, nên gọi là *pháp giới*. Từ xưa đến nay không sanh không diệt, chẳng không chẳng có, lìa danh lìa tướng, không trong không ngoài, duy nhất chân thật, không thể nghĩ bàn, nên gọi là “nhất chân pháp giới”.

Đây là lý thể huyền diệu tối cực của bộ kinh Hoa Nghiêm. Nhất chân pháp giới dung nhiếp vạn pháp. Vạn pháp đều do nhân duyên mà sanh, từ duyên mà khởi, vì có vô cùng vô tận duyên khởi, nên xuất hiện vô tận cõi nước, vô tận chúng sanh, vô tận sự tướng. Những việc và vật này, cho đến mỗi một vi trần đều từ duyên khởi của nhất chân pháp giới mà hiện, do vậy thứ nào cũng đều là nhất chân pháp giới.

Đối với điều này có thể lý giải, nương vào sự lý giải thắng diệu này mà sanh khởi các loại thắng hạnh để trang nghiêm Phật quả của mình thì gọi là “Hoa Nghiêm”. Lấy nhất chân pháp giới làm bản thể, làm tông thú, làm quy hướng, chuyên tâm tu tập, đạt đến nhất tâm thì gọi là “Hoa Nghiêm tam-muội”. Mục đích của học giáo là phải dựa vào giải mà khởi hành, nương vào lý giải chân chánh mà khởi hành, bằng không chỉ là tu mù luyện đui mà thôi. Còn có một câu quan trọng hơn là: khởi được hành, giải liền mất. Chánh hành vừa khởi thì những chánh giải liền không còn, song vẫn phải từ chánh giải mà khởi hành. Đây không phải là thứ mà các học giả có thể hiểu được. Một số người khi khởi được hành nhưng vẫn nắm chặt kiến giải không chịu buông.

Tịnh Ảnh Sớ nói: Hoa Nghiêm tam-muội nhiếp trọn hết thấy Phật pháp trong pháp giới vào trong nó. Pháp Giới Ký nói: “Hoa” là muôn hạnh của Bồ-tát, hoa sẽ kết quả. “Nghiêm” chính là các hạnh đã thành tựu, quả đã viên mãn, thủy giác và bổn giác khế hợp tương ưng, cấu chướng vĩnh viễn tiêu trừ, chứng lý thể đã viên mãn. “Tam-muội” chính là bản thể và trí tuệ là một. Ví như hạt châu và bản thể, ánh

sáng hạt châu là trí tuệ, ánh sáng hạt châu sanh ra từ bản thể của hạt châu. Những gì được ánh sáng chiếu đến vẫn là bản thể của hạt châu, lý và trí cũng là như vậy, cũng không hai, không phải là hai thứ. “Dung hòa vào nhau”, ánh sáng từ hạt châu sanh ra, cho nên ánh sáng ở trong hạt châu; hạt châu nhờ ánh sáng mà hiển hiện, cho nên hạt châu ở trong ánh sáng. Do đó, lý thể và trí tuệ không phải là hai thứ, làm gì có phân biệt năng và sở. Đạt đến nhất chân pháp giới thì hết thấy đều không hai, cho nên rời năng - sở là điều vô cùng then chốt.

Sách Hợp Tán nói: “Pháp giới chỉ là tự tâm, gọi là Phật Hoa Nghiêm”. Đây là kiến giải đặc biệt độc đáo. “Pháp giới” là chỉ cho nhất chân pháp giới, “pháp giới chỉ là tự tâm”, nhất chân pháp giới chính là bản tâm của hành giả, đối với tự tâm có thể rõ biết như thật thì chính là Hoa Nghiêm tam-muội. Nhất chân pháp giới chính là chân tâm. Hết thấy pháp, không pháp nào chẳng từ pháp giới này mà lưu xuất, rồi lại trở về pháp giới này. Nói cách khác, hết thấy pháp thấy đều lưu xuất từ tự tâm, rồi lại trở về tự tâm.

“Tổng trì đầy đủ trăm ngàn tam-muội.”

Tổng trì chính là đà-ra-ni. Đà-ra-ni có bốn loại:

1. Pháp đà-ra-ni: đối với giáo pháp của Phật có thể ghi nhớ không quên.
2. Nghĩa đà-ra-ni: đối với nghĩa sâu, nghĩa chân thật của các pháp có thể tổng trì không quên.
3. Chú đà-ra-ni: đối với chú không quên. Chú là lời bí mật mà Phật Bồ-tát phát ra từ trong thiền định, có hiệu nghiệm thần kỳ không thể lường.

Chú có bốn hàm nghĩa:

Thứ nhất, minh. Trí tuệ, quang minh có thể phá trừ ngu si của chúng sanh.

Thứ hai, chú. Ngoại đạo cũng có chú.

Thứ ba, mật ngữ. Phạm phu và Nhị thừa không thể biết. Có một số người phiên dịch chú, đây đúng là vẽ rắn thêm chân. Chú có vô lượng nghĩa, không nên phiên dịch, chỉ nên như vậy mà niệm.

Thứ tư, chân ngôn. Lời của Như Lai chân thật không hư dối.

4. Nhẫn đà-ra-ni. An trụ vào thật tướng các pháp thì gọi là nhẫn. Đắc đà-ra-ni này có thể an trụ vào thật tướng của Phật không dao động, không quên mất. Cho nên, giữ được nhẫn thì gọi là nhẫn đà-ra-ni. An trụ vào thật tướng, đây là cảnh giới thù thắng vô thượng của ba tông Thiên - Mật - Tịnh.

“Trăm ngàn tam-muội” tương đương với phá *trùng quan* của Thiên tông, có người giải thích ba quan ải của thiên chẳng ra làm sao. Những cảnh giới này không phải dễ dàng đạt được như vậy. Phá *sơ quan* là thấy pháp thân; phá *trùng quan* là an pháp thân; phá *lao quan* là việc pháp thân hướng thượng. Vì sao cần trăm ngàn tam-muội? Hội Sớ nói: ví như giúp mọi người thoát nghèo, ắt phải đầy đủ các loại kỹ thuật, nguyên liệu, tiền vốn, nhà máy v.v.. Muốn nhổ bật gốc khổ của mọi người thì phải có đủ loại biện pháp và điều kiện thì mới thực hiện được nguyện vọng trừ khổ. Do vậy Bồ-tát phải có trăm ngàn loại tam-muội. Có đầy đủ hết thấy tam-muội thì gọi là “đầy đủ trăm ngàn tam-muội”. Tam-muội tu lâu rồi thì sẽ sanh ra đà-ra-ni, chính là tổng trì. Những Đại sĩ này “tổng trì đầy đủ trăm ngàn tam-muội”, hai loại này đều đã đầy đủ.

Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.